

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



switch disconnecter, Compact INS320, 320A, standard version with black rotary handle, 4 poles

31109

## Main

Range	ComPact
Product or component type	Switch disconnecter
Product name	ComPacT INS
poles description	4P
Network type	AC DC
Network frequency	50/60 Hz
[Ie] rated operational current	AC-22A: 320 A AC 50/60 Hz 220/240 V AC-22A: 320 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-22A: 320 A AC 50/60 Hz 440/480 V AC-22A: 320 A AC 50/60 Hz 480 V NEMA AC-22A: 320 A AC 50/60 Hz 500/525 V AC-22A: 320 A AC 50/60 Hz 660/690 V AC-23A: 320 A AC 50/60 Hz 220/240 V AC-23A: 320 A AC 50/60 Hz 380/415 V AC-23A: 320 A AC 50/60 Hz 440/480 V AC-23A: 320 A AC 50/60 Hz 480 V NEMA AC-23A: 320 A AC 50/60 Hz 500/525 V AC-23A: 320 A AC 50/60 Hz 660/690 V DC-22A: 320 A DC 125 V 2 poles in series DC-22A: 320 A DC 250 V 4 poles in series DC-23A: 320 A DC 125 V 2 poles in series DC-23A: 320 A DC 250 V 4 poles in series
[Ui] rated insulation voltage	750 V AC 50/60 Hz
[Uimp] rated impulse withstand voltage	8 kV 8 kV conforming to IEC 60947-3
[Ith] conventional free air thermal current	320 A at 60 °C
[Icm] rated short-circuit making capacity	330 kA with upstream protection circuit breaker 690 V AC at 50/60 Hz 50 kA switch-disconnector alone 690 V AC at 50/60 Hz
[Ue] rated operational voltage	250 V DC 690 V AC 50/60 Hz
Suitability for isolation	Yes
Contact position indicator	Yes
Visible break	No
Pollution degree	3

## Complementary

Control type	Direct front rotary handle
handle colour	Black
Mounting mode	Fixed

<b>Mounting support</b>	Plate Rail
<b>Upside connection</b>	Front
<b>downside connection</b>	Front
<b>Maximum power</b>	AC-23: 160 kW at 380/415 V AC 50/60 Hz AC-23: 185 kW at 440 V AC 50/60 Hz AC-23: 185 kW at 480 V AC 50/60 Hz (NEMA) AC-23: 220 kW at 500/525 V AC 50/60 Hz AC-23: 250 kW at 660/690 V AC 50/60 Hz AC-23: 90 kW at 220/240 V AC 50/60 Hz AC-23: 90 kW at 230 V AC 50/60 Hz (NEMA)
<b>Rated duty</b>	Uninterrupted
<b>[Icw] rated short-time withstand current</b>	11.5 kA during 3 s conforming to IEC 60947-3 20 kA during 1 s conforming to IEC 60947-3 4 kA during 30 s conforming to IEC 60947-3 4.9 kA during 20 s conforming to IEC 60947-3
<b>Mechanical durability</b>	10000 cycles
<b>Electrical durability</b>	AC-22A: 1500 cycles 440 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1500 cycles 500 V AC 50/60 Hz AC-22A: 1500 cycles 690 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 440 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 500 V AC 50/60 Hz AC-23A: 1500 cycles 690 V AC 50/60 Hz DC-23A: 1000 cycles 250 V DC
<b>Connection pitch</b>	45 mm
<b>Height</b>	205 mm
<b>Width</b>	185 mm
<b>Depth</b>	130 mm
<b>Net weight</b>	4.9 kg

## Environment

<b>Standards</b>	IEC 60947-3 IEC 60947-1
<b>Product certifications</b>	CCC KEMA-KEUR
<b>IP degree of protection</b>	IP40 conforming to IEC 60529
<b>IK degree of protection</b>	IK07 conforming to EN 50102
<b>Ambient air temperature for operation</b>	-25...70 °C
<b>Ambient air temperature for storage</b>	-50...85 °C

## Packing Units

<b>Unit Type of Package 1</b>	PCE
<b>Number of Units in Package 1</b>	1
<b>Package 1 Height</b>	18.5 cm
<b>Package 1 Width</b>	19.4 cm
<b>Package 1 Length</b>	22.4 cm
<b>Package 1 Weight</b>	6.0 kg
<b>Unit Type of Package 2</b>	S04
<b>Number of Units in Package 2</b>	4
<b>Package 2 Height</b>	30 cm

---

Package 2 Width	40 cm
-----------------	-------

---

Package 2 Length	60 cm
------------------	-------

---

Package 2 Weight	24 kg
------------------	-------

## Contractual warranty

---

Warranty	18 months
----------	-----------

## Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO<sub>2</sub> thấp.

**Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm** là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)


[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch [RoHS/REACH](#)

## Hiệu suất sức khỏe

 Mercury Free

 RoHS Exemption Information [Yes](#)

## Chứng nhận & Tiêu chuẩn

**Reach Regulation** [REACH Declaration](#)

**Eu RoHS Directive** [Compliant with Exemptions](#)

**China RoHS Regulation** [China RoHS declaration](#)  
Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information

**Environmental Disclosure** [Product Environmental Profile](#)

**Weee** The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

**Circularity Profile** [End of Life Information](#)